

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non, bao gồm: thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, định mức giờ dạy, chế độ giảm giờ dạy và quy đổi hoạt động chuyên môn ra giờ dạy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với giáo viên mầm non và giáo viên mầm non giữ chức vụ quản lý (bao gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng) giảng dạy tại cơ sở giáo dục mầm non công lập.

2. Cơ sở giáo dục mầm non công lập bao gồm: trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ công lập; nhóm lớp mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo công lập.

3. Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập căn cứ quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục để quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về lao động.

4. Thông tư này không áp dụng đối với giáo viên mầm non thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thời gian làm việc* là thời gian thực hiện hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non, bao gồm thời gian giảng dạy, thời gian chuẩn bị cho giờ dạy trên lớp, thời gian đón trẻ và trả trẻ, thời gian học tập, bồi dưỡng, thời gian chuẩn bị năm học mới, thời gian tổng kết năm học và thời gian thực hiện các công việc chuyên môn khác theo yêu cầu hoạt động nghề nghiệp.

2. *Giảng dạy* là hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non. Giảng dạy được thực hiện thông qua việc tổ chức các hoạt động học, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động, hoạt động ngoài trời và các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non.

3. *Định mức giờ dạy* là tổng thời gian giảng dạy, được tính bằng số giờ dạy của giáo viên mầm non, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phải thực hiện. Định mức giờ dạy không bao gồm thời gian chuẩn bị cho giờ dạy trên lớp, thời gian đón trẻ và trả trẻ, thời gian thực hiện các công việc chuyên môn khác. Định mức giờ dạy đối với giáo viên mầm non tính theo ngày. Định mức giờ dạy đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tính theo tuần.

4. *Giảm định mức giờ dạy* là việc giáo viên mầm non được giảm một số giờ dạy để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn có tính chất ổn định, thường xuyên, liên tục do cấp có thẩm quyền giao hoặc trong một số trường hợp cụ thể liên quan đến thời gian tập sự (nếu có), thời gian nuôi con nhỏ, khám, chữa bệnh theo quy định.

5. *Quy đổi hoạt động chuyên môn ra giờ dạy* là việc giáo viên mầm non khi được cấp có thẩm quyền giao thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn (khác với các nhiệm vụ đã được giảm định mức giờ dạy) thì được tính thành giờ dạy.

Điều 4. Nguyên tắc xác định chế độ làm việc

1. Thời gian làm việc của giáo viên mầm non thực hiện theo năm học, được quy đổi thành giờ dạy và bảo đảm 40 giờ/tuần, trong đó bao gồm số giờ dạy trong 01 ngày theo định mức giờ dạy quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Thời gian làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng bảo đảm 40 giờ/tuần bao gồm cả thời gian giảng dạy theo định mức quy định tại Điều 8 Thông tư này để nắm được nội dung, mục tiêu chương trình giáo dục mầm non nhằm nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý.

3. Việc phân công, bố trí nhiệm vụ cho giáo viên mầm non phải bảo đảm quy định về định mức giờ dạy, thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm theo quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, công bằng giữa các giáo viên mầm non trong cùng cơ sở giáo dục mầm non.

Việc phân công cho giáo viên mầm non tham gia trả trẻ hoặc đón trẻ hoặc trông trẻ buổi trưa phải bảo đảm phù hợp với thực trạng đội ngũ của cơ sở giáo dục mầm non.

4. Mỗi giáo viên mầm non không kiêm nhiệm quá 02 nhiệm vụ quy định tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.

5. Đối với các nhiệm vụ nếu đã được nhận tiền thù lao hoặc tiền phụ cấp thì không được giảm định mức giờ dạy hoặc quy đổi ra giờ dạy trừ nhiệm vụ kiêm nhiệm tại Điều 9, khoản 1 Điều 10, khoản 4 Điều 11 Thông tư này.

6. Việc quy đổi đối với các nhiệm vụ chưa được quy định chế độ giảm định mức giờ dạy hoặc chưa được quy đổi ra giờ dạy tại Thông tư này do hiệu trưởng quyết định bằng văn bản, bảo đảm phù hợp với mức độ phức tạp, khối lượng công việc của nhiệm vụ được giao kiêm nhiệm. Việc quy đổi trong trường hợp này phải được thông qua cuộc họp tập thể giáo viên mầm non trong cơ sở giáo dục mầm non và báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Chương II

THỜI GIAN LÀM VIỆC, THỜI GIAN NGHỈ HẰNG NĂM VÀ ĐỊNH MỨC GIỜ DẠY

Điều 5. Thời gian làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên mầm non

1. Thời gian làm việc trong năm học của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên mầm non là 42 tuần, trong đó:

- a) Số tuần giảng dạy là 35 tuần;
- b) Số tuần học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ là 04 tuần;
- c) Số tuần chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học là 03 tuần.

2. Trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp để phòng, chống thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp cấp bách phải điều chỉnh khung kế hoạch thời gian năm học thì số tuần giảng dạy thực hiện theo quy định điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Thời gian nghỉ hằng năm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên mầm non

- 1. Thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên mầm non gồm:
 - a) Thời gian nghỉ hè thực hiện theo quy định của Chính phủ;
 - b) Thời gian nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội;

c) Căn cứ kế hoạch năm học, đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng trường, hiệu trưởng bố trí thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên mầm non phù hợp, đúng quy định.

2. Trường hợp thời gian nghỉ hè và thời gian nghỉ thai sản của giáo viên nữ có giai đoạn trùng nhau, ngoài thời gian nghỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì thời gian nghỉ của giáo viên mầm non bao gồm:

a) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định;

b) Thời gian nghỉ hè ngoài thời gian nghỉ thai sản (trước hoặc sau thời gian nghỉ thai sản);

c) Thời gian nghỉ thêm trong trường hợp thời gian nghỉ hè quy định tại điểm b khoản này ít hơn số ngày nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động. Tổng số ngày nghỉ thêm và số ngày nghỉ quy định tại điểm b khoản này bằng số ngày nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động. Thời gian nghỉ thêm được sắp xếp linh hoạt theo thỏa thuận giữa hiệu trưởng với giáo viên.

3. Thời gian nghỉ hằng năm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng gồm:

a) Thời gian nghỉ hè theo quy định của Chính phủ.

Thời gian nghỉ hè của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bố trí linh hoạt trong năm học và trong thời gian nghỉ hè của giáo viên mầm non để bảo đảm các hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non diễn ra bình thường và bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ công tác do cơ quan quản lý các cấp triệu tập (nếu có). Lịch nghỉ hè của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý hoặc theo phân cấp;

b) Thời gian nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội.

Điều 7. Định mức giờ dạy đối với giáo viên mầm non

1. Đối với giáo viên mầm non dạy các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo học 02 buổi/ngày: Giảng dạy 05 giờ 30 phút/ngày.

2. Đối với giáo viên mầm non dạy các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo học 01 buổi/ngày: Giảng dạy 04 giờ/ngày.

Điều 8. Định mức giờ dạy đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

1. Định mức giờ dạy trong tuần được xác định như sau:

a) Hiệu trưởng giảng dạy 02 giờ/tuần;

b) Phó hiệu trưởng giảng dạy 04 giờ/tuần.

2. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng không được quy đổi chế độ giảm định mức giờ dạy hoặc sử dụng các giờ dạy được quy đổi từ hoạt động chuyên môn để thay thế cho định mức giờ dạy.

3. Khi dạy đủ định mức giờ dạy được quy định, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được quy đổi các hoạt động chuyên môn theo quy định tại Điều 12 Thông tư này để tính tổng số giờ dạy khi tính số giờ dạy thêm (nếu có).

Chương III

CHẾ ĐỘ GIẢM ĐỊNH MỨC GIỜ DẠY VÀ QUY ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA GIỜ DẠY

Điều 9. Chế độ giảm định mức giờ dạy đối với giáo viên mầm non kiêm nhiệm các công việc chuyên môn

1. Tổ trưởng chuyên môn được giảm 03 giờ dạy/tuần.
2. Tổ phó tổ chuyên môn được giảm 01 giờ dạy/tuần.

Điều 10. Chế độ giảm định mức giờ dạy đối với giáo viên mầm non kiêm nhiệm một số vị trí việc làm khác

1. Giáo viên mầm non kiêm nhiệm bí thư Đoàn thanh niên được giảm không quá 02 giờ dạy/tuần. Hiệu trưởng quyết định bằng văn bản số giờ giảm của giáo viên mầm non được phân công kiêm nhiệm bí thư Đoàn thanh niên bảo đảm phù hợp với khối lượng công việc được giao kiêm nhiệm. Việc quy đổi trong trường hợp này phải được thông qua cuộc họp tập thể giáo viên mầm non trong cơ sở giáo dục mầm non.

2. Giáo viên mầm non kiêm nhiệm vị trí việc làm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được giảm 02 giờ dạy/tuần.

3. Giáo viên mầm non kiêm nhiệm vị trí việc làm văn thư được giảm 02 giờ dạy/tuần.

4. Giáo viên mầm non kiêm nhiệm vị trí việc làm thư viện (phụ trách cả phòng thư viện) được giảm 02 giờ dạy/tuần.

Điều 11. Chế độ giảm định mức giờ dạy đối với các đối tượng khác

1. Giáo viên mầm non trong thời gian tập sự (nếu có) được giảm 05 giờ dạy/tuần.

2. Giáo viên nữ có con nhỏ từ 12 tháng trở xuống được giảm 05 giờ dạy/tuần.

3. Giáo viên mầm non trong thời gian đi khám, chữa bệnh (không vượt quá thời gian quy định) được hiệu trưởng đồng ý và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền thì không phải dạy bù và được tính dạy đủ định mức giờ dạy ngày hôm đó.

4. Giáo viên mầm non dạy lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập, khi giảng dạy đủ số giờ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này, cứ có 01 trẻ khuyết tật/lớp, mỗi giáo viên mầm non được giảm 30 phút/ngày.

Điều 12. Quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ dạy

1. Đối với giáo viên mầm non được huy động làm báo cáo viên tại lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên mầm non do hiệu trưởng hoặc cấp có thẩm quyền tổ chức (bao gồm cả giáo viên mầm non cốt cán) thì 01 tiết dạy (hoặc 01 giờ dạy) thực tế được tính bằng 01 giờ dạy.

2. Đối với giáo viên mầm non được phân công dạy minh họa tại buổi sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch thì 01 tiết dạy (hoặc 01 giờ dạy) thực tế được tính bằng 01 giờ dạy.

3. Giáo viên mầm non được cơ quan có thẩm quyền cử đi dạy tăng cường tại các cơ sở giáo dục mầm non khác thì mỗi ngày làm việc được tính đủ định mức giờ dạy theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

4. Giáo viên mầm non tham gia trông trẻ buổi trưa thì mỗi buổi được tính không quá 02 giờ dạy. Hiệu trưởng quyết định bằng văn bản số giờ quy đổi của giáo viên mầm non được phân công trông trẻ buổi trưa bảo đảm phù hợp với số lượng trẻ ở lại bán trú, thời gian trông trẻ. Việc quy đổi trong trường hợp này phải được thông qua cuộc họp tập thể giáo viên mầm non trong cơ sở giáo dục mầm non.

5. Giáo viên mầm non được phân công làm ban giám khảo trong các cuộc thi hoặc hội thi của giáo viên mầm non cấp trường theo kế hoạch (các cuộc thi hoặc hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì 01 tiết (hoặc 01 giờ) tham gia chấm thi trực tiếp được tính bằng 01 giờ dạy.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan có liên quan theo thẩm quyền được giao hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chế độ làm việc của giáo viên mầm non theo quy định tại Thông tư này.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ làm việc của giáo viên mầm non theo quy định tại Thông tư này.

3. Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non chịu trách nhiệm tổ chức việc thực hiện chế độ làm việc của giáo viên mầm non theo quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **04** tháng **3** năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

3. Thay thế cụm từ “dạy trẻ” thành cụm từ “giảng dạy” tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

4. Bãi bỏ cụm từ “hoặc dạy trẻ” tại điểm a khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

5. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục mầm non, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHXH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Q. Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Như khoản 5 Điều 14;
- Công báo CP; Cổng PLQG; CSDLQG về VBPL;
- Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thương